



CÔNG TY HOA TIÊU TÂN CẢNG

KẾ HOẠCH DẪN TÀU 26/08/2025 (Thứ Ba)

LỊCH THỦY TRIỀU

Mực nước	Vũng Tàu	Cát Lái	Dòng chảy
0.6	21:11	01:00	↗
3.3	03:41	06:45	↙
1.6	09:28	13:15	↗
3.3	15:08	18:15	↙
0.9	21:42	01:30	↗
3.3	03:58	07:15	↙

STT	Hoa tiêu	Tàu đến	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Nhật	MILD ROSE	10.5	172	18,171	P/s3 - CL1	01:30	//0500	//A2-SG99
2	Son	HEUNG A HOCHIMINH	10.2	173	17,791	P/s3 - CL3	03:30	//0500	A6-A9
3	N.Chiến	SITC TONGHE	8.3	147	9,925	P/s3 - BP5	03:30	//0500	A1-08
4	Đ.Toàn	OPTIMA	6.8	146	9,963	H25 - TCHP	02:30	// SR	01-SG96
5	Nghị	UNI PRUDENT	8.8	182	17,887	P/s3 - CL4-5	15:00	//1130	A2-A9
6	Đảo	CUL YANGPU	9	172	18,461	P/s3 - CL7	13:00	//1200	A1-A9
7	M.Tùng - M.Hùng	EVER BRAVE	9.7	211	32,691	P/s3 - CL5	10:00	//1300	A6-A9
8	Quyết	MTT SAISUNEE	8.4	159	13,059	P/s3 - CL1	13:00	//13.00	A2-08
9	Duyệt	MIYUNHE	9.4	183	16,738	P/s3 - BNPH	13:00	//	//A1-A2
10	Đ.Chiến - M.Cường	YM CREDENTIAL	10.8	210	32,720	P/s3 - CL4	13:30	//	A6-A9
11	Đức	WAN HAI 286	10.4	175	20,924	P/s3 - BP7	15:00	//1800	A2-A9
12	Tân	PANCON BRIDGE	9.2	172	18,040	P/s3 - CL7	02:00	//2330	

STT	Hoa tiêu	Tàu Cái Mép	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	N.Thanh - Đ.Long	COSCO KAOHSIUNG	9.1	349	116,739	P/s3 - CM4	02:00	MP-VTX	KS-SF-SG
2	M.Hải	HAIAN EAST	8.9	183	18,102	CM2 - P/s3	22:30	MP	KS-AWA
3	Thịnh - P.Thùy	YM WELLBEING	12.8	367	152,017	CM3 - P/s3	15:00	MT-DL	MR-KS-AWA
4	Đ.Minh	BIEN DONG NAVIGATOR	7	150	9,503	CM1 - P/s3	06:00		KS-AWA
5	M.Hải - Khái	YM MOBILITY	12.1	306	76,787	P/s3 - CM2	08:00	Y/c MP	MR-AWA-KS
6	Diệu - H.Thanh	LINTAS BAHARI 23	3.5	71	1,259	P/s1 - TCCT	09:00	Rạch tắc	2 lai gỗ
7	Trung - P.Cần	COSCO KAOHSIUNG	11	349	116,739	CM4 - P/s3	15:30	MP-VTX	A10-SF-SG

STT	Hoa tiêu	Tàu đi	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
-----	----------	--------	-----	-------	-----	---------	-------	---------	---------

1	Quân	POS LAEMCHABANG	7.1	172	17,846	BNPH - P/s3	00:30	LT	A1-A2
2	P.Tuấn	SITC CHENMING	10.3	186	29,232	BP7 - P/s3	01:00	LT	A6-A9
3	Hoàn	TD 55	3	53	299	CL2 - H25	02:00	SR	08
4	N.Tuấn	G.DRAGON	9.3	172	18,680	CL1 - P/s3	05:00	LT	A6-08
5	N.Hoàng	MAERSK NUSANTARA	8.5	186	31,649	CL4-5 - P/s3	08:00		A6-A9
6	N.Minh	SKY ORION	9.7	173	20,738	CL3 - P/s3	05:00	LT	A1-08
7	Kiên	POS SINGAPORE	8.5	172	17,846	TCHP - H25	05:30	SR	01-SG96
8	T.Tùng - Giang	MERATUS JAYAGIRI	9.1	200	25,535	CL4 - P/s3	12:30		A2-A9
9	K.Toàn - Tín	HOCHIMINH VOYAGER	10.3	200	27,061	CL5 - P/s3	13:00		A1-A6
10	Chương - Duy	ANBIEN BAY	8.7	172	17,515	CL7 - P/s3	14:00		A6-08
11	V.Hoàng	MILD ROSE	8.4	172	18,171	CL1 - P/s3	14:30		A2-SG99
12	Anh - N.Trường	SITC TONGHE	8.6	147	9,925	CL4-5 - P/s3	17:30		A1-08
13	V.Hải	OPTIMA	7.8	146	9,963	TCHP - H25	17:00	SR	01-SG96
14	Uy	KMTC BANGKOK	8	173	18,318	BNPH - P/s3	14:00		A2-A2
15	V.Dũng	HEUNG A HOCHIMINH	9.4	172	17,791	CL3 - P/s3	23:30		A6-A9
16	Quang	CUL YANGPU	9.3	172	18,461	CL7 - P/s3	23:30		A1-A9
STT	Hoa tiêu	Tàu dờ	M.n	C.đài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Quang	SITC TONGHE	8.3	147	9,925	BP5 - CL4-5	12:00	, Shifting, ĐX	

PILOTING TO SUCCESS